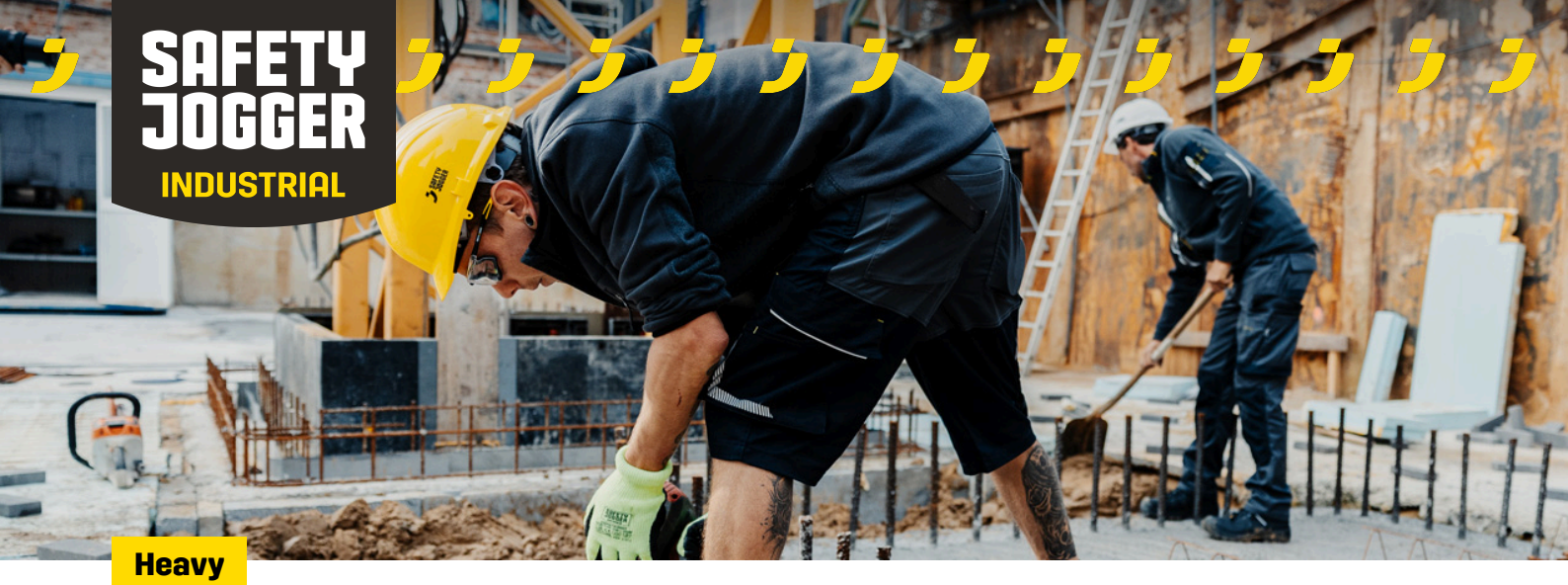


SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Heavy

ALTAR S3 MID S3S

ALTARS3MID

Ủn g **cao** c ồ **mái đa năng có khóa kéo**

Giày bảoiữa Safety Jogger ALTAR S3 mang đến thiết kế khả năng chư ố ợ SR, đế ngoài , mũi giày composite thông chứa kim n g da lch ố n g nư óc , khóa kéo và đế ngoài bằn g cao su u v ế không để l ạ

Những vật liệu cao cấp hơn ựa điển Da ng	
ót bên trong i tái chế lướ	
rong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
iữa đế g ệt chống thủ ng	
ngoài Đ	PU/Cao su
u Đứng đầ ổng hợp t	
i Loạ	S3S / SR, SC, LG, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 36-48 / UK 3.5-13.0 / US 4.0-13.5 JPN 22.5-31.5 / KOR 235-315
ng lượng thép	0.830 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022



SND



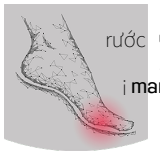
CAM



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí** Da tự nhiên các ứng dụng linh hoạt



Mũi giày an toàn composite Không ng kim và nhiệt hoặc dẫn điện



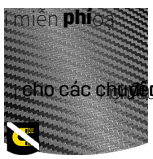
Hấp thụ **năng** lượng **cho bàn chân** t Sự hấp thụ hoặc i mang lên



Đ nhiệt Đ được nhiệt độ cao lên đến 300°C.



hấp thụ **gót chân** Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân hoặc chạy lên cơ thể ng



Kim l Giày an toàn thông thường. Chúng cũng

Công nghiệp **n:**
Xây dự n g, Ngành công n ghiệ ànp , Khai thác m ỏ

ường: **Môi** t
rư ờn g tối ưu, môi khô, môi ẩm, Bề mặt cứ c mịn , b ề mặt ấm áp, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi t rơn trượt, môi ẩm ướt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp cách phù hợp. Không trên lò s

K

Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q	
Nhữ n g vật l iệu a **đế** n g **cao** cấp h ơn			
Top: khả năng ấm	? 0.8	7.8	mg/cm/g
Top: h ệ số ấm	? 15	68	mg/cm2
ót bên trong **tái** ch ế			
L ớp lót: ấm	? 2	54.48	mg/cm/g
lót: h ệ số ấm	? 20	436	mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ** làm t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
ệ m chân: Đ	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài Đ **PU/Cao su**			
Ch ố ợt mài mòn (đế ngoài)	? 150	91	mm
Chư ố ợt trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.41	ma sát
rư Ợt cố ợt bằng - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.37	ma sát
rư Ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.28	ma sát
Chư ố ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề phía t	? 0.22	0.25	ma sát
ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	11.2	megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100	65	megaohm
Hấp thụ năng l ợ gót chân củ	? 20	33	J
Đ ở n g đầu ngón chân			
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	17.0	mm
Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.5	mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Giày này có thiết kế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q	
CO phát thả		
V ật l iệu	11.34	kg
Bao bì	0.13	kg
ất Sản x u	1.90	kg
Chuyên ch ở	0.26	kg
	13.63 kg CO2/ cặp	

Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế	
Product	5%
Bao bì	99%

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com